

15/12/2021

 Chuyên viên phân tích – Lê Anh Tùng
 tungla@kbsec.com.vn

KQKD Q3 của VCB tích cực hơn kì vọng trong bối cảnh bùng phát của làn sóng Covid-19 thứ 4

VCB công bố KQKD Q3/2021 với TOI của ngân hàng đạt mức 13,252 tỷ VND (+2.7% QoQ, +14.4% YoY), và PBT đạt mức 5,737 tỷ VND (+16.1% QoQ, +15.1% YoY). Lũy kế 9T 2021, TOI và PBT lần lượt đạt 41,841 tỷ VND (+20.9% YoY) và 19,311 tỷ VND (+21% YoY).

Chất lượng tài sản của VCB đã suy giảm nhưng vẫn nằm trong mức kì vọng

Tỷ lệ nợ xấu đã tăng lên đáng kể, ở mức 1.16% trong Q3 từ mức 0.74% quý trước, cùng với tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên mức 0.67% từ mức 0.61% của quý 2. Mức trích lập của VCB dù thấp hơn so với quý trước nhưng vẫn ở mức cao, ở mức 2,512 tỷ VND (-22.1% QoQ, +24.1% YoY). Theo đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) đã giảm xuống 242.9% nhưng vẫn cao nhất trong toàn ngành.

Dịch bệnh Covid-19 đã khiến dư nợ tái cơ cấu tăng trở lại

Dư nợ tái cơ cấu đã tăng gấp đôi so với quý trước, khoảng 9 nghìn tỷ VND, tương đương với 1% tổng dư nợ nhưng có thể sẽ giảm dần trong Q4.

VCB nhiều khả năng sẽ thực hiện tăng vốn vào năm sau

Về kế hoạch phát hành riêng lẻ, chúng tôi kì vọng hoạt động này sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2022. Việc tăng vốn cấp 1 giúp VCB có thể mở rộng tăng trưởng tín dụng trong tương lai.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu VND 95,000/cp

KBSV kì vọng tăng trưởng tín dụng của VCB trong năm 2021 đạt mức 13.5%. Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA (duy trì) đối với cổ phiếu VCB. Giá mục tiêu là VND 95,000/cp, cao hơn 21.3% so với giá tại ngày 15/12/2021.

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 95,000
Tăng/Giảm (%)	21.3%
Giá hiện tại (15/12/21)	VND78,292
Giá mục tiêu consensus	VND87,500
Vốn hóa thị trường (tr USD)	USD16,469 tr

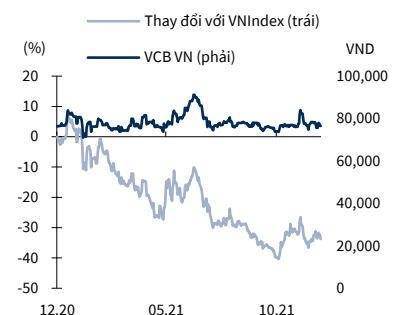
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ free-float (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tr USD)	USD4.4 tr
Room NĐTNN còn lại (%)	6.4%
Cổ đông lớn (%)	NHNN Việt Nam (74.8%)

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1.5	-1.9	-11.0	0.3
Tương đối	-2.8	-1.9	-21.7	-33.4

Dự phóng KQKD & định giá

Nhằm tài chính	2020A	2021E	2022E	2023E
Thu nhập lãi thuần (triệu VND)	36,285,475	38,820,225	42,949,843	47,878,343
TOI (triệu VND)	49,062,541	52,617,704	57,142,813	63,080,529
PBT (triệu VND)	23,049,561	24,046,010	28,187,021	33,814,171
EPS (VND)	4,470	4,617	4,242	5,089
BVPS (VND)	25,347	29,564	29,233	34,230
P/E (x)	17.2	18.8	22.4	20.6
P/B (x)	3.0	2.9	3.2	3.1
ROAA (%)	1.4%	1.4%	1.5%	1.6%
ROAE (%)	21.1%	18.9%	18.2%	18.0%
Tỷ suất cổ tức (%)	1.5%	1.3%	1.3%	1.3%

Nguồn: Bloomberg, Báo cáo tài chính công ty, KB Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Cập nhật kết quả kinh doanh

VCB công bố KQKD Q3/2021 với TOI của ngân hàng đạt mức 13,252 tỷ VND (+2.7% QoQ, +14.4% YoY), và PBT đạt mức 5,737 tỷ VND (+16.1% QoQ, +15.1% YoY). Lũy kế 9T 2021, TOI và PBT lần lượt đạt 41,841 tỷ VND (+20.9% YoY) và 19,311 tỷ VND (+21% YoY).

Bảng 1. Tóm tắt kết quả kinh doanh

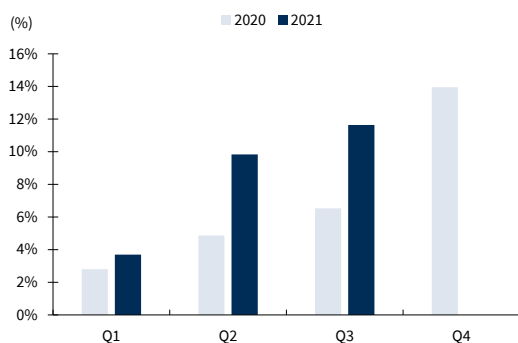
(Tỷ VND)	3Q 2021	3Q 2020	% YoY
Thu nhập lãi thuần	10,427	8,723	19.5%
Thu nhập ngoài lãi	2,824	2,863	-1.3%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	13,252	11,586	14.4%
Chi phí hoạt động	(5,002)	(4,579)	9.3%
Chi phí dự phòng	(2,512)	(2,024)	24.1%
LNTT (PBT)	5,737	4,983	15.1%

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty, KB Securities Vietnam

Thu nhập lãi thuần Q3/2021 tăng 19.5% YoY đến từ:

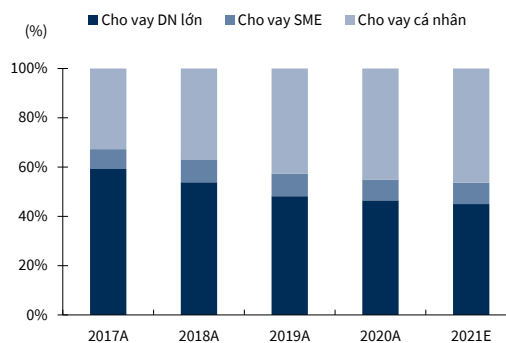
— Hoạt động tín dụng tích cực, thúc đẩy từ động lực khách hàng bán lẻ. Tín dụng tăng trưởng 11.6% YTD với khách hàng bán buôn và bán lẻ tăng lần lượt 9.7% và 12% YTD.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tín dụng 2020 – 2021 (%)



Nguồn: VCB, KB Securities Vietnam

Biểu đồ 2. Tỷ trọng cho vay (%)



Nguồn: VCB, KB Securities Vietnam

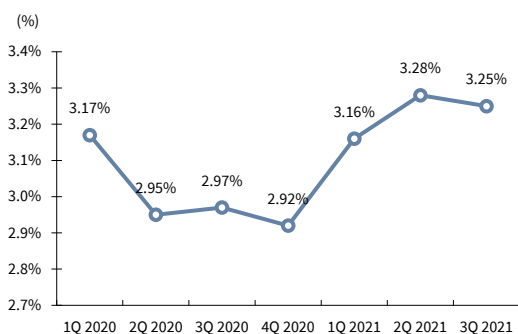
— NIM của VCB không có nhiều thay đổi trong Q3 nhờ (1) tận dụng tốt chi phí vốn thấp (lãi suất huy động thấp và tăng tỷ lệ CASA), giúp bù đắp việc giảm lãi suất cho vay ưu đãi cho khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; và (2) tối ưu hệ số LDR. Quy mô lãi hỗ trợ khách hàng cả năm 2021 ước lên tới 7.1 nghìn tỷ vào cao gấp 2 lần so với 3.3 nghìn tỷ vào năm 2020.

— Chúng tôi kì vọng NIM của VCB sẽ vẫn giữ ở quanh 3% trong năm 2021 khi VCB đã cho thấy khả năng điều tiết linh hoạt để hấp thụ tác động tiêu cực của gói hỗ trợ doanh nghiệp.

— Tỷ lệ CASA tiếp tục tăng, với mức 34.3% trong Q3 - mức cao nhất trong vòng nhiều quý trở lại đây nhờ việc triển khai các gói phí dịch vụ thanh toán hướng tới khách hàng cá nhân; đồng thời tận dụng ưu thế CASA doanh

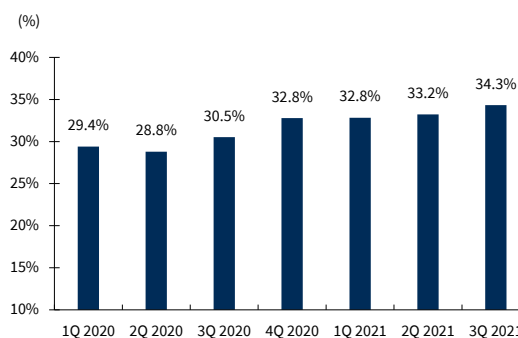
nghiệp tăng cao do ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Chúng tôi kì vọng tỷ lệ CASA của VCB sẽ vẫn được duy trì ở mức cao, quanh 33.5% trong năm nay.

Biểu đồ 3. NIM (%)



Nguồn: VCB, KB Securities Vietnam

Biểu đồ 4. Tỷ lệ CASA (%)

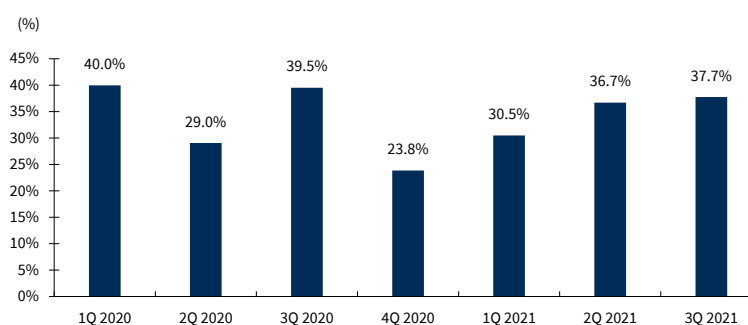


Nguồn: VCB, KB Securities Vietnam

Thu nhập ngoài lãi Q3/2021 không nhiều thay đổi (-1.3% YoY) trong đó HD dịch vụ suy giảm (-10.3% YoY) do việc giãn cách trong Q3 nhưng đã được bù đắp bởi hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng tích cực (+8.1% YoY).

OPEX tăng 9.3% YoY, kéo theo tỷ lệ CIR tăng lên mức 37.7% từ 36.7% của Q2. Tuy nhiên, tỷ lệ CIR bình quân 9 tháng 2021 (35%) vẫn thấp hơn so với 9 tháng năm ngoái (36.2%), thể hiện những nỗ lực tiết giảm chi phí của VCB.

Biểu đồ 5. Tỷ lệ CIR (%)



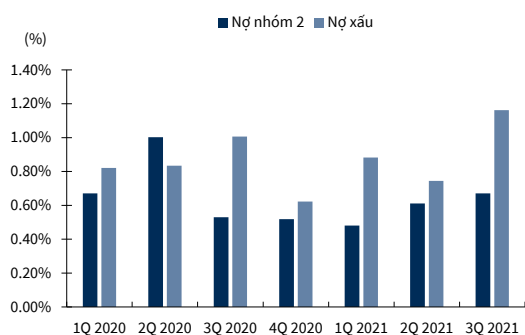
Nguồn: VCB, KB Securities Vietnam

Tỷ lệ nợ xấu đã tăng lên đáng kể, ở mức 1.16% trong Q3 từ mức 0.74% quý trước, cùng với tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên mức 0.67% từ mức 0.61% của quý 2. Mức trích lập của VCB dù thấp hơn so với quý trước nhưng vẫn ở mức cao, mức 2,512 tỷ VND (-22.1% QoQ, +24.1% YoY). Theo đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) đã giảm xuống 242.9% nhưng vẫn cao nhất trong toàn ngành.

Dư nợ tái cơ cấu đã tăng gấp đôi so với quý trước, khoảng 9 nghìn tỷ VND, tương đương với 1% tổng dư nợ và có khả năng sẽ tiếp tục tăng thêm trong quý 4. Trước đó, trong Q2 VCB đã có kế hoạch trích lập dự phòng toàn bộ cho các khoản nợ tái cơ cấu thay vì trả đều trong 3 năm, với dư nợ tái cơ cấu lúc đó khoảng 4 nghìn tỷ VND. Chúng tôi kì vọng dư nợ tái cơ cấu giảm dần khi Việt

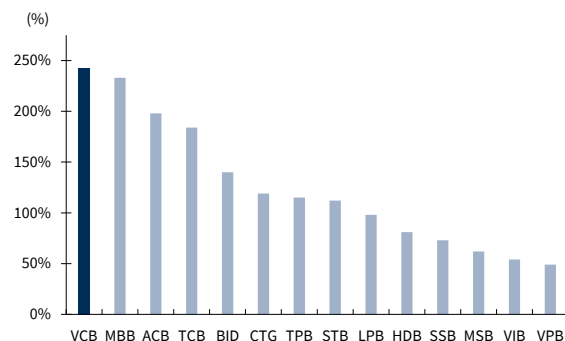
Nam bắt đầu bỏ các biện pháp giãn cách trong Q4.

Biểu đồ 6. Tỷ lệ nợ nhóm 2 & tỷ lệ nợ xấu (%)



Nguồn: VCB, KB Securities Vietnam

Biểu đồ 7. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)



Nguồn: VCB, KB Securities Vietnam

Về kế hoạch phát hành riêng lẻ, chúng tôi kì vọng hoạt động này sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2022. Việc tăng vốn cấp 1 giúp VCB có thể mở rộng tăng trưởng tín dụng trong tương lai.

VCB hiện được giao dịch với mức giá P/B forward 12 tháng 2022 đạt 2.44x, dưới mức trung bình 5 năm (2.64x).

Biểu đồ 8. Chỉ số P/B forward 12 tháng (x)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Dự phóng và định giá

Trong năm 2021, chúng tôi dự báo VCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức VND 52,617 tỷ (+7.2% YoY) và VND 24,046 tỷ (+4.3% YoY) với các giả định:

- Tăng trưởng tín dụng hợp nhất ở mức 13.5%
- NIM ở mức 3%. Lãi suất cho vay giảm được bù đắp bởi mặt bằng lãi suất huy động ở mức thấp, tỷ lệ CASA cao (33.2%) và hệ số LDR cao.
- Tỷ lệ NPL ở mức 1%.

Định giá – Khuyến nghị MUA, giá cổ phiếu mục tiêu ở VND 95,000/cp

VCB hiện được giao dịch với mức giá P/B forward 12 tháng 2022 đạt 2.44x và ở mức cao nhất trong toàn ngành. Với vị thế là ngân hàng SOB top đầu, nợ xấu vẫn nằm trong tầm kiểm soát trong khi VCB đã chủ động trích lập mạnh mẽ, chúng tôi cho rằng P/B 2022 của VCB có thể duy trì ở cận trên +1SD của mức P/B forward 5 năm. Chúng tôi kì vọng kinh tế Việt Nam phục hồi hậu Covid sẽ giúp dư nợ tái cơ cấu của VCB giảm dần và mức độ trích lập sẽ giảm đi trong thời gian tới.

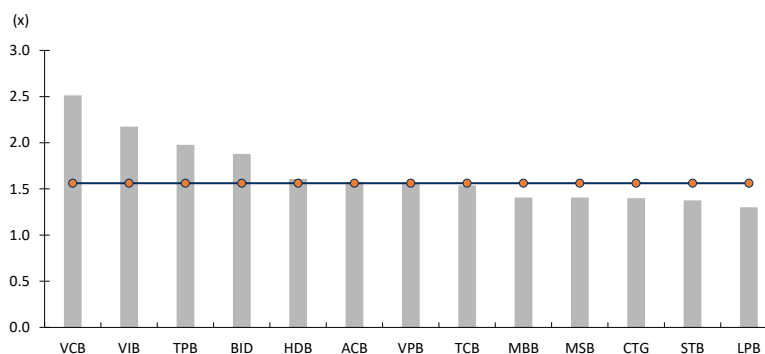
Dựa trên kết quả định giá theo phương pháp P/B, chúng tôi khuyến nghị MUA (duy trì) đối với cổ phiếu VCB với giá mục tiêu là VND 95,000/cp, cao hơn 21.3% so với giá tại ngày 15/12/2021. Chúng tôi đánh giá VCB là một cổ phiếu tốt để đầu tư trong trung và dài hạn.

Bảng 2. Dự phóng KQKD 2021 - 2023

	2021E	2022E	2023E
Thu nhập lãi thuần (triệu VND)	38,820,225	42,949,843	47,878,343
TOI (triệu VND)	52,617,704	57,142,813	63,080,529
PBT (triệu VND)	24,046,010	28,187,021	33,814,171
ROAA (%)	1.4%	1.5%	1.6%
ROAE (%)	18.9%	18.2%	18.0%
CIR (%)	32.5%	31.0%	30.0%
CASA (%)	33.2%	34.0%	34.7%

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty, KB Securities Vietnam

Biểu đồ 9. P/B forward 2022 của ngành ngân hàng (x)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Ngân hàng Vietcombank (VCB) – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2020A - 2023E

Báo cáo kết quả HDKD

(Triệu VND)	2020A	2021E	2022E	2023E
Thu nhập lãi	69,205,134	71,914,539	84,035,547	92,551,338
Chi phí lãi	(32,919,659)	(33,094,314)	(41,085,704)	(44,672,995)
Thu nhập lãi thuần	36,285,475	38,820,225	42,949,843	47,878,343
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6,607,317	7,069,829	8,483,795	9,756,364
Lãi thuần từ đầu tư ngoại hối	3,906,399	4,375,167	3,416,370	2,948,536
Lãi thuần từ chứng khoán KD	1,810	905	815	1,223
Lãi thuần từ chứng khoán đầu tư	(98)	(73)	(80)	(111)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2,261,638	2,351,651	2,292,071	2,496,174
Tổng thu nhập hoạt động	49,062,541	52,617,704	57,142,813	63,080,529
Chi phí hoạt động	(16,038,250)	(17,100,754)	(17,714,272)	(18,924,159)
Lợi nhuận thuần trước DPRR	33,024,291	35,516,950	39,428,541	44,156,370
Chi phí DPRR	(9,974,730)	(11,470,940)	(11,241,521)	(10,342,199)
Lợi nhuận trước thuế	23,049,561	24,046,010	28,187,021	33,814,171
Thuế	(4,577,043)	(4,785,105)	(5,603,177)	(6,721,779)
Lợi nhuận sau thuế	18,472,518	19,260,906	22,583,843	27,092,392
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(21,207)	(19,838)	(22,528)	(28,677)
Lợi nhuận sau thuế ngân hàng mẹ	18,451,311	19,241,068	22,561,316	27,063,715
EPS	4,470	4,617	4,242	5,089
DPS	1,200	1,000	1,000	1,000
Số cổ phiếu lưu hành (triệu cp)	3,709	3,709	4,733	4,733

Bảng cân đối kế toán

(Triệu VND)	2020A	2021E	2022E	2023E
Tổng tài sản	1,326,230,092	1,437,087,313	1,608,969,151	1,827,054,278
Tiền mặt, vàng & đá quý	15,095,394	13,665,351	15,131,140	17,908,785
Tiền gửi tại NHNN	33,139,373	26,167,693	28,974,523	34,293,418
Tiền gửi & cho vay TCTD khác	267,969,645	250,919,103	277,833,483	328,835,772
Chứng khoán KD & đầu tư	158,885,158	165,332,205	170,366,035	175,554,573
Cho vay khách hàng	820,545,467	946,190,033	1,077,772,028	1,226,936,066
Tài sản cố định	8,539,362	8,966,330	9,414,647	9,885,379
Tài sản khác	22,055,693	25,846,597	29,477,296	33,640,285
Tổng nợ	1,232,135,113	1,327,351,204	1,470,535,366	1,664,963,396
Nợ chính phủ & NHNN	41,176,995	9,461,900	10,777,720	12,269,361
Tiền gửi & vay TCTD khác	103,583,833	141,928,505	113,166,063	122,693,607
Tiền gửi khách hàng	1,032,113,567	1,126,416,706	1,290,744,944	1,478,236,225
Phát hành giấy tờ có giá	21,240,197	21,762,371	24,788,757	28,219,530
Các khoản nợ khác	34,020,521	27,781,722	31,057,882	23,544,675
Vốn chủ sở hữu	94,094,979	109,736,109	138,433,785	162,090,882
Vốn điều lệ	37,088,774	37,088,774	47,325,276	47,325,276
Thặng dư vốn cổ phần	4,995,389	4,995,389	4,995,389	4,995,389
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Vốn khác	15,360,588	19,122,440	23,773,262	29,613,548
Lợi nhuận chưa phân phối	36,650,228	48,529,506	62,339,858	80,156,669

Chỉ số tài chính

(%)	2020A	2021E	2022E	2023E
Hiệu quả hoạt động				
ROEA	21.1%	18.9%	18.2%	18.0%
ROAA	1.4%	1.4%	1.5%	1.6%
Biên lãi ròng (NIM)	3.0%	2.9%	2.9%	2.9%
CIR	32.7%	32.5%	31.0%	30.0%
CASA	32.8%	33.2%	34.0%	34.7%
Chi phí vốn	2.8%	2.7%	3.0%	2.9%
Lợi suất tài sản sinh lời	5.6%	5.4%	5.7%	5.6%
Thanh khoản				
LDR	81.4%	82.0%	83.0%	83.5%
Dư nợ cho vay so với tổng tài sản	63.3%	65.1%	66.4%	67.4%
Tốc độ tăng trưởng				
Tăng trưởng tổng tài sản	8.5%	8.4%	12.0%	13.6%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	13.3%	15.3%	13.9%	13.8%
Tăng trưởng tiền gửi	11.2%	9.1%	14.6%	14.5%
Tăng trưởng TOI	7.3%	7.2%	8.6%	10.4%
Tăng trưởng PBT	-0.3%	4.3%	17.2%	20.0%

Định giá

(đồng, X, %)	2020A	2021E	2022E	2023E
Chỉ số về giá				
EPS	4,470	4,617	4,242	5,089
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	25,347	29,564	29,233	34,230
Chỉ số định giá				
PE	17.2x	18.8x	22.4x	20.6x
PB	3.0x	2.9x	3.2x	3.1x
Ti lệ cổ tức	1.5%	1.3%	1.3%	1.3%
An toàn vốn				
CAR	10.0%	10.8%	11.3%	11.7%
Tỷ lệ đòn bẩy	14.1x	13.1x	11.6x	11.3x
Chất lượng tài sản				
Nợ nhóm 2	0.3%	0.8%	0.7%	0.7%
Nợ xấu	0.6%	1.0%	0.8%	0.8%
Nợ xấu + VAMC	0.6%	1.0%	0.8%	0.8%
Lãi dự thu so với vay	0.9%	1.5%	1.6%	1.5%
Chi phí tín dụng	1.3%	1.3%	1.1%	0.9%
Bao phủ nợ xấu	368.0%	215.6%	229.5%	231.8%

Nguồn: Báo cáo công ty & KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.